

Họ và tên: Lớp.....

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Viết chữ cái đứng trước mỗi câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra của em

Câu 1: Kết quả của phép tính $\left| \frac{-3}{10} \right| - \frac{1}{15}$ là

- A. $\frac{7}{30}$ B. $\frac{11}{30}$ C. $\frac{-11}{30}$ D. $\frac{-7}{30}$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\left(\frac{-1}{2}\right)^7 : \left(\frac{-1}{2}\right)^3$ là

- A. $\frac{-1}{16}$ B. $\frac{-1}{8}$ C. $\frac{1}{16}$ D. $\frac{1}{32}$

Câu 3: Làm tròn số 316,52728 đến chữ số thập phân thứ hai ta được số

- A. 316,52 B. 316,53 C. 316,5 D. 316,527

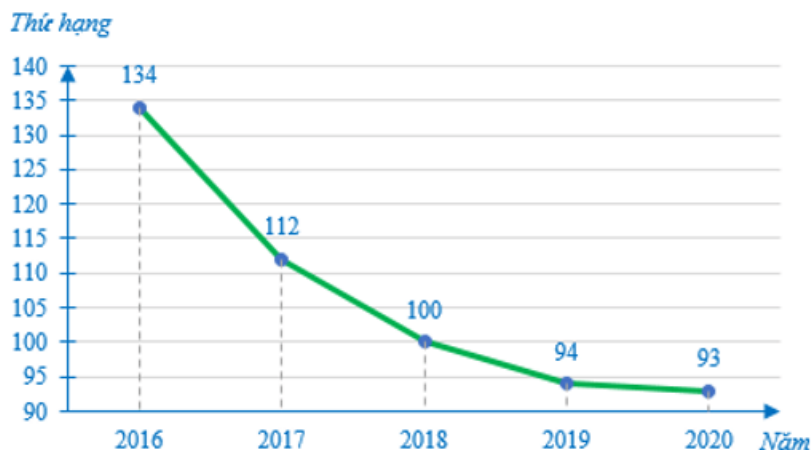
Câu 4: Khi điều tra về mức độ yêu thích môn bóng đá của học sinh lớp 7, cô tổng phụ trách thu được bảng sau

Mức độ	Rất yêu thích	Yêu thích	Thích	Không thích
Số học sinh	120	79	56	14

Theo em dữ liệu ở dòng thứ nhất là:

- A. Dữ liệu số
B. Dữ liệu không phải là số và không thể sắp xếp được.
C. Dữ liệu không phải là số và có thể sắp xếp được.
D. Không phải là dữ liệu

Câu 5: Biểu đồ dưới đây cho biết thứ hạng của bóng đá nam Việt Nam trên bảng xếp hạng của Liên đoàn Bóng đá thế giới (FIFA) trong các năm từ 2016 đến 2020.



Năm 2020, bóng đá nam Việt Nam xếp thứ hạng bao nhiêu?

A. 93;

B. 94;

C. 100;

D. 112.

Câu 6: Biết rằng $\triangle ABC = \triangle DEF$. Chỉ ra các kết luận **SAI** trong các kết luận sau:

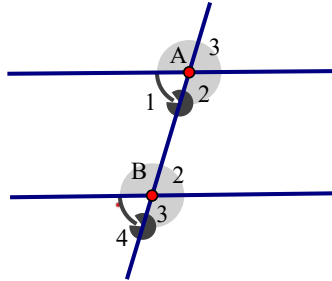
A. $AB = DE$

B. Góc B = Góc E

C. $AC = DF$

D. Góc C = góc D

Câu 7: Cho hình vẽ sau: Khi đó góc A_1 và góc B_4 là hai góc



A. đối đỉnh

B. so le trong

C. đồng vị

D. trong cùng phía

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây là **SAI**?

A. Tổng ba góc trong một tam giác bằng 180° .

B. Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

C. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh

D. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 9. (2,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau (tính nhanh nếu có thể)

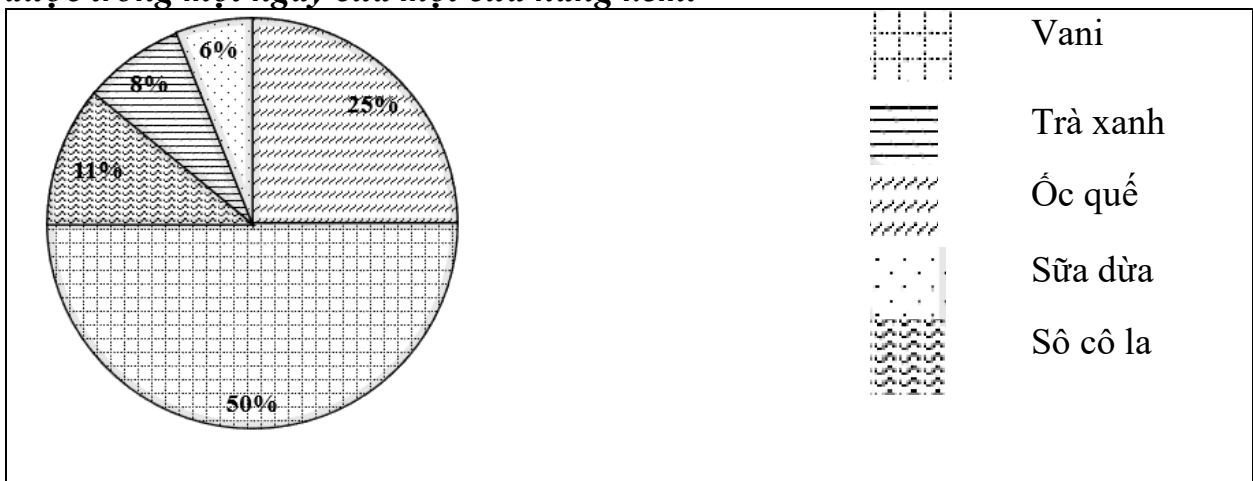
a) $3,4 - \frac{5}{8} : \left(\frac{-1}{2}\right)^2$

b) $\sqrt{\frac{4}{81}} + \left|\frac{-7}{6}\right| \cdot \frac{15}{14}$

c) $2,56 - \frac{4}{9} + \frac{13}{9} - 7,56$

d) $\sqrt{\frac{25}{36}} \cdot 15,91 + \frac{5}{6} \cdot (-18,91)$

Câu 10. (2,0 điểm) Biểu đồ hình quạt tròn dưới đây cho biết tỉ lệ các loại kem bán được trong một ngày của một cửa hàng kem.



1. Em hãy lập bảng thống tỉ lệ các loại kem bán được trong một ngày của cửa hàng
2. Biết rằng trong một ngày cửa hàng bán được 400 que kem các loại. Tính số que kem ốc quế cửa hàng bán ra trong một ngày.
3. Biết giá tiền một que kem vị Sô cô la là 18.000đ. Hỏi trong một ngày cửa hàng thu về được bao nhiêu tiền bán kem vị sô cô la.

Câu 11:(3,0 điểm) Cho tam giác ABC có $AB = AC$. Gọi M là trung điểm của BC.

- a. Chứng minh: $\triangle ABM = \triangle ACM$
- b. Chứng minh: AM vuông góc với BC
- c. Trên tia đối của tia MA lấy điểm E sao cho M là trung điểm AE. Lấy điểm H bất kì thuộc đoạn AB. Trên tia HM lấy điểm K sao cho M là trung điểm HK. Chứng minh E, C, K thẳng hàng.

Câu 12 : (1,0 điểm)

1. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $A = 2 \cdot |2x - 6| - 2023$

2. Cho $\frac{19}{x+y} + \frac{19}{y+z} + \frac{19}{z+x} = \frac{7z}{x+y} + \frac{7x}{y+z} + \frac{7y}{x+z} = \frac{133}{10}$. Tính tổng $M = x + y + z$

===== Hết ! =====

Chúc các em làm bài thi thật tốt !

1D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

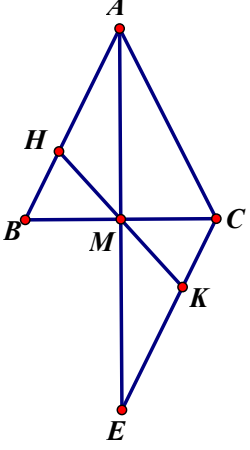
ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: **Toán** – Lớp: **7**

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	A	C	B	C	A	D	C	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
9a (0,5đ)	a. $3,4 - \frac{5}{8} : \left(\frac{-1}{2}\right)^2 = 3,4 - \frac{5}{8} : \frac{1}{4}$ $= \frac{17}{5} - \frac{5}{2} = \frac{34}{10} - \frac{25}{10} = \frac{9}{10}$	0,25 0,25
b (0,5đ)	b. $\sqrt{\frac{4}{81}} + \left \frac{-7}{6}\right \cdot \frac{15}{14} = \frac{2}{9} + \frac{7}{6} \cdot \frac{15}{14}$ $= \frac{2}{9} + \frac{5}{4} = \frac{53}{36}$	0,25 0,25
c (0,5)	c. $2,56 - \frac{4}{9} + \frac{13}{9} - 7,56 = (2,56 - 7,56) + \left(\frac{-4}{9} + \frac{13}{9}\right) = -5 + 1 = -4$	0,5
d (0,5)	d. $\sqrt{\frac{25}{36}} \cdot 15,91 + \frac{5}{6} \cdot (-18,91) = \frac{5}{6} \cdot 15,91 + \frac{5}{6} \cdot (-18,91) = \frac{5}{6} [15,91 + (-18,91)]$ $= \frac{5}{6} (-3) = \frac{-5}{2}$	0,25 0,25
10a (0,75đ)	HS lập được bảng thống kê	0,75
b (0,75đ)	Số que kem ốc quế cửa hàng bán ra trong một ngày là 25%. $400 = 100$ (que)	0,75
c (0,5)	Số que kem vị sô cô la cửa hàng bán ra trong một ngày là $400 \cdot 11\% = 44$ que Trong một ngày cửa hàng thu về được số tiền bán kem vị sô cô la là 792 000 (đồng)	0,25 0,25
11 (0,5đ)	Học sinh vẽ hình chính xác đến câu a 	0,5

a (1,0đ)	Xét ΔMAB và ΔMAC có $MB = MC$ (M là trung điểm BC) $AB = AC$ (gt) AM cạnh chung Suy ra $\Delta MAB = \Delta MAC$ (c-c-c)	0,25 0,25 0,25 0,25
b (1,0đ)	Vì $\Delta MAC = \Delta MAB$ nên góc $AMB =$ góc AMC Mà góc $AMB +$ góc $AMC = 180^\circ$. \Rightarrow góc $AMB =$ góc $AMC = 90^\circ$. $\Rightarrow AM$ vuông góc với BC	0,25 0,25 0,25 0,25
c	$\Delta MHB = \Delta MKC$ (cgc) \Rightarrow góc $MCK =$ góc MBH $\Delta MBA = \Delta MCE \Rightarrow$ góc $MCE =$ góc $MBA \Rightarrow$ góc $MCA =$ góc MBH \Rightarrow góc $MCK =$ góc MCE $\Rightarrow C, K, E$ thẳng hàng	0,25 0,25
12 a (0,5)	Ta có $ 2x - 6 \geq 0 \Rightarrow 2 2x - 6 \geq 0$ $\Rightarrow 2 2x - 6 - 2023 \geq 0 - 2023$ $\Rightarrow A \geq -2023$ Dấu = xảy ra khi $x = 3$. Vậy GTNN của A là -2023 khi $x = 3$	0,25 0,25
b (0,5đ)	$\frac{19}{x+y} + \frac{19}{y+z} + \frac{19}{z+x} = \frac{7z}{x+y} + \frac{7x}{y+z} + \frac{7y}{x+z} = \frac{133}{10}$ Từ đề bài suy ra $\frac{1}{x+y} + \frac{1}{y+z} + \frac{1}{z+x} = \frac{133}{10} : 19 = \frac{17}{10}$ $\frac{z}{x+y} + \frac{x}{y+z} + \frac{y}{z+x} = \frac{133}{10} : 7 = \frac{19}{10}$ Nên ta có $\frac{z}{x+y} + 1 + \frac{x}{y+z} + 1 + \frac{y}{z+x} + 1 = \frac{19}{10} + 3$ $\Rightarrow \frac{x+y+z}{x+y} + \frac{x+y+z}{y+z} + \frac{x+y+z}{z+x} = \frac{49}{10}$ $\Rightarrow (x+y+z) \left(\frac{1}{x+y} + \frac{1}{y+z} + \frac{1}{z+x} \right) = \frac{49}{10}$ $\Rightarrow (x+y+z) \frac{7}{10} = \frac{49}{10} \Rightarrow x+y+z = 7$	0,25 0,25 0,5 0,5

---Hết---

	song song										
5	Hai tam giác bằng nhau	<i>Tổng ba góc của tam giác. Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.</i>		1 TL11-a 0,5đ	2 TN 68 0,5đ	1 TL11-a 1,0đ		1 TL11-b 1,0đ		1 TL11-c 0,5đ	3,5
Tổng: Số câu Điểm			2 0,5đ	2 1,25đ	6 1,5 đ	4 2,75		6 3,5đ		3 1,5đ	10,0
Tỉ lệ %			17,5%		32,5%			25%		1,5%	100%
Tỉ lệ chung			50%				50%				100%

1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRACUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐẠI SỐ						
	<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa).		2TN (câu 23)		

			– Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.				
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.				2 TL9-ac 1,0đ
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).				
			– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).				
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1 TL12- 2 0,5đ
2	Số thực	Số thập phân vô hạn không tuần hoàn, số vô tỉ. Căn bậc hai số học	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính căn bậc hai số học, giá trị tuyệt đối của một số thực – Mô tả được thứ tự thực hiện phép tính trong tập hợp số thực		1 TN 1 0,25đ		
			Vận dụng:				TL9-d

		Giá trị tuyệt đối của một số thực	<p>– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số thực</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số thực</p>			0,5đ	
3	Thu thập và biểu diễn dữ liệu	<p>Thu thập và phân loại dữ liệu</p> <p>Biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn</p>	<p>Nhận biết</p> <p>– Phân loại được dữ liệu</p>	<p>1 TN 4 0,25đ</p> <p>1 TL10-a 0,75đ</p>			1 TL12-1 0,5đ
			<p>Thông hiểu:</p> <p>Lập được bảng thống kê từ biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn</p>		<p>1 TN 5 0,25đ</p> <p>1 TL10-b 0,75đ</p>		
			<p>Vận dụng:</p> <p>– Thực hiện được các phép tính: dựa vào biểu đồ hình quạt tròn.</p> <p>Vẽ được biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn</p>			1 TL10-c 0,5đ	
HÌNH HỌC							
4	Góc và đường thẳng	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia	Nhận biết :	<p>1 TN 7 0,25đ</p>			

	song song	<i>phân giác của một góc</i>	– Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).				
			– Nhận biết được tia phân giác của một góc.				
			– Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập				
5	Hai tam giác bằng nhau	<i>Tổng ba góc của tam giác. Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.</i>	Nhận biết – Nhận biết tổng ba góc trong tam giác, hai tam giác bằng nhau	TL11-a 0,5đ			
			Thông hiểu: Mô tả được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác Mô tả được tổng các góc trong một tam giác		2 TN 68 0,5đ 1		
			Vận dụng: – Tính được số đo góc trong tam giác - Chứng minh được hai tam giác bằng nhau - Vận dụng được hai tam giác bằng nhau để chứng minh hai góc bằng nhau, hai đoạn thẳng bằng nhau,...		TL11-a 1,0đ	1	TL11-b 1,0đ
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với hai tam giác bằng nhau.				1 TL11-c 0,5 đ